

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 15-5-2023  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Hiệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nông Thị Ngọc Anh.

2. Bà Trần Thị Diệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Nam Toàn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lộc Thị H, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Nơi ở hiện nay: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

**Vắng mặt.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lộc Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lộc Thị H và anh Lâm Văn T được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2013; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B ngày 01 tháng 11 năm 2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống tại thôn K, xã M, huyện B. Quá trình chung sống với nhau ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2016, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên chị Lộc Thị H **đi làm công nhân** tại thành phố Bắc Ninh, còn anh Lâm Văn T ở nhà nuôi con nhỏ, từ đó hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do anh Lâm Văn T hay uống rượu say về dọa nạt, chửi bới chị. Do không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên đã chuyển về nhà bố mẹ ruột tại thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn từ đầu năm 2020 cho đến nay. Vì mục đích hôn nhân của vợ chồng không đạt được, chị Lộc Thị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lâm Văn T.

Về con chung: Có hai người con chung là Lâm Mạnh Tùng, sinh ngày 20/01/2014 và Lâm Thị Thúy Hồng, sinh ngày 13/8/2015. Hiện nay, các cháu đang học tại Trường tiểu học xã Minh Khai và ở với bố. Vì vậy, khi ly hôn, chị Lộc Thị H nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) cho anh Lâm Văn T. Chị Lộc Thị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung 500.000 đồng/01 người/01 tháng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về phía bị đơn, anh Lâm Văn T không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân xã Minh Khai tiến hành xác minh khẳng định anh Lâm Văn T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã M, huyện B; không làm thủ tục cắt tạm trú tạm vắng tại địa phương. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng và lập biên bản giao nhận với anh Lâm Văn T và đại diện gia đình được biết; lập biên bản niêm yết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh với đại diện gia đình anh Lâm Văn T cho biết chị Lộc Thị H và anh Lâm Văn T yêu thương nhau, tự nguyện kết hôn và có hai người con chung. Anh Lâm Văn T thường xuyên có mặt tại địa phương, đến ngày 23/4/2023 mới đi làm ăn ngoài địa phương; công việc chính của anh Lâm Văn T làm nông nghiệp, thu nhập đảm bảo cuộc sống hàng ngày và nuôi con. Chị Lộc Thị H đi làm công ty xa nhà, từ sau tết âm lịch năm 2022 chị Lộc Thị H không về, anh Lộc Văn Tiến có gọi điện cho chị. Các văn bản tố tụng anh Lâm Văn T đều nhận được. Còn hai con chung của anh Lâm Văn T và chị Lộc Thị H **hiện**

nay đang học cách nhà khoảng 2km, hàng ngày có bố Lâm Văn T, ông bà (bố mẹ anh T) và bác Lâm Văn V (anh trai anh Tiến) đưa đón đi học.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Lâm Văn T không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Lộc Thị H đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bị đơn anh Lâm Văn T vắng mặt tại Tòa án, mặc dù đã được triệu tập họp lệ nhiều lần. Do vậy, anh Lâm Văn T không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Lộc Thị H. Về con chung: Giao hai người con chung là Lâm Mạnh Tùng, sinh ngày 20/01/2014 và Lâm Thị Thúy Hồng, sinh ngày 13/8/2015 cho anh Lâm Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lộc Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung 500.000 đồng/01 người/01 tháng; tổng hai người là 1.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn Chị Lộc Thị H được miễn án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chị Lộc Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lâm Văn T có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn K, xã M, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Bị đơn anh Lâm Văn T vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và lập biên bản niêm yết hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lâm Văn T là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Lộc Thị H và anh Lâm Văn T là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Lộc Thị H và anh Lâm Văn T là hợp pháp. Nguyên đơn chị Lộc Thị H trình bày quá trình chung sống hay phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Chị Lộc Thị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn K, xã Q, huyện B và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Còn anh Lâm Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến của mình về việc chị Lộc Thị H xin ly hôn với anh, thể hiện không có thiện chí mong muốn hòa giải đoàn tụ. Như vậy anh Lâm Văn T đã tự từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình khi giải quyết vụ án. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị Lộc Thị H và anh Lâm Văn T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Lộc Thị H yêu cầu ly hôn với anh Lâm Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có hai người con chung là Lâm Mạnh Tùng, sinh ngày 20/01/2014 và Lâm Thị Thúy Hồng, sinh ngày 13/8/2015. Khi ly hôn, anh Lâm Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Cũng là nguyện vọng của các con muốn ở với bố Lâm Văn T. Chị Lộc Thị H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung 500.000 đồng/01 người/01 tháng; tổng hai người là 1.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Lộc Thị H trình bày là không có; trong quá trình giải quyết vụ án anh Lâm Văn T vắng mặt không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Lộc Thị H là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Vì vậy, chị Lộc Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 107; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Lộc Thị H được ly hôn với anh Lâm Văn T.

2. Về con chung: Giao hai người con chung là Lâm Mạnh Tùng, sinh ngày 20/01/2014 và Lâm Thị Thúy Hồng, sinh ngày 13/8/2015 cho anh Lâm Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Lộc Thị H cấp dưỡng nuôi con chung 500.000 đồng/01 người/01 tháng; tổng hai người là 1.000.000đ/tháng; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2023 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lộc Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Chị Lộc Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lâm Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Q, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Thị Hiệt**